

THÔNG BÁO

Về việc cung cấp dịch vụ tổ chức đấu giá khai thác cho thuê đối với 42 tài sản nhà, đất do Văn phòng Thành ủy ủy quyền Đợt 02- năm 2026

Căn cứ Luật đấu giá số: 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật đấu giá số 37/2024/QH15 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Công văn số 3368-CV/VPTU ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy về phương án khai thác cho thuê đối với 42 tài sản nhà, đất do Văn phòng Thành ủy ủy quyền;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận về tổ chức đấu giá khai thác cho thuê đối với 42 tài sản nhà, đất do Văn phòng Thành ủy ủy quyền Đợt 02- năm 2026.

Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận thông báo về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá cho thuê đối với 42 cơ sở nhà, đất do Văn phòng Thành ủy ủy quyền khai thác cho thuê (Đợt 2 - năm 2026). Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên tài sản đấu giá: Đấu giá cho thuê đối với 42 tài sản nhà, đất do Văn phòng Thành ủy ủy quyền Đợt 02- năm 2026. Thông tin cụ thể:

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)		Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đấu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)
		Theo GCN	Theo bản vẽ		
1	Số 155 đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, TP.HCM	Diện tích đất: 69,0 Diện tích sàn SD: 356,8		Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	95.100.000
2	Số 63 (số cũ: 59) đường Lý Chính Thắng, phường Xuân Hòa, TPHCM	Diện tích đất: 95,0 Diện tích sàn SD: 289,0			34.400.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)		Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đầu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)
		Theo GCN	Theo bản vẽ		
3	Số 210 đường Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, TPHCM	Diện tích đất: 44,1 Diện tích sàn SD: 112,5	Diện tích XD: 65,7 Diện tích sàn XD: 184,8	Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	10.350.000
4	Số 80-82 đường Phạm Đình Hồ, phường Bình Tây, TPHCM	Diện tích đất: 189,0 Diện tích sàn SD: 378			44.500.000
5	Căn hộ 003 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 82,6		Đề ở	8.660.000
6	Căn hộ 1.05 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 52,3		Đề ở	3.490.000
7	Căn hộ 2.05 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 52,3		Đề ở	3.490.000
8	Căn hộ 3.05 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 52,3		Đề ở	3.490.000
9	Căn hộ 4.05 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 52,3		Đề ở	3.490.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)		Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đầu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)
		Theo GCN	Theo bản vẽ		
10	Căn hộ 5.05 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 52,3		Đề ở	3.490.000
11	Căn hộ 6.05 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 52,3		Đề ở	3.490.000
12	Căn hộ 7.05 Chung cư Bình Phú, phường Bình Phú, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD: 52,3		Đề ở	3.490.000
13	Số 325 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, TPHCM	Diện tích đất: 1.702,9 Diện tích sàn SD: 1.212,2		Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	120.380.000
14	Số 117 (Số cũ: 67/4) đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, TPHCM	Diện tích đất: 219,0 Diện tích sàn SD: 270			15.600.000
15	Số 8/9 đường Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận, TPHCM	Diện tích đất: 373,3 Diện tích sàn SD: 373,3	Diện tích XD: 710,7 Diện tích sàn XD: 591,4		16.210.000
16	Số 167 (Số cũ: 70/4-70/5) đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, TPHCM	Diện tích đất: 202,4 Diện tích sàn SD: 371,3	Diện tích XD: 168,4 Diện tích sàn XD: 515,8		24.910.000



STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)		Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đầu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)
		Theo GCN	Theo bản vẽ		
17	Số 9/5 đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thôn TPHCM	Diện tích đất: 2.080,0 Diện tích sàn SD: 1.229,4	Diện tích XD: 1783,7 Diện tích sàn XD: 1783,7	Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	42.670.000
18	Số 507 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TPHCM	Diện tích đất: 98,0 Diện tích sàn SD: 180,5			16.407.000
19	Số 587 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TPHCM	Diện tích đất: 267,5 Diện tích sàn SD: 520,8			40.779.000
20	Số 599 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TPHCM	Diện tích đất: 596,4 Diện tích sàn SD: 787,8			66.490.000
21	Số 603 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TPHCM	Diện tích đất: 567,3 Diện tích sàn SD: 759,6			69.200.000
22	Số 49-51 và 57 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TPHCM	Diện tích đất: 1.013,8 Diện tích sàn SD: 1.181,2	1061,9 1240,9		51.734.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đầu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)
		Theo GCN	Theo bản vẽ			
23	Một phần diện tích số 828 đường Sư Vạn Hạnh, phường Hòa Hưng, TP. HCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD:	(Toàn bộ DT đất 828 Sư Vạn Hạnh 4.225,1)	1.040,0 932,59	Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	185.270.000
24	Số 584-586 (Số cũ: 450-452) đường Điện Biên Phủ, phường Vườn Lài, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD:		98,8 395,2		35.780.000
25	Số 17 đường Hoàng Việt, phường Tân Sơn Nhất, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD:		222,2 355,7		32.980.000
26	Số 8 (số cũ: 103) đường Đoàn Kết, phường Thủ Đức, TPHCM	Diện tích đất: Diện tích sàn SD:		922,5 677,4		65.420.000



STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)		Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đầu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)
		Theo GCN	Theo bản vẽ		
27	Số 155 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, TP HCM	Diện tích đất: 86,0 Diện tích sàn SD: 366,0	Diện tích XD: 87,5 Diện tích sàn XD: 369,2	Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	90.540.000
28	Số 356 đường Lê Quang Sung, phường Bình Tây, TP HCM	Diện tích đất: 2.135,0 Diện tích sàn SD: 2.460,4	Diện tích sàn XD: 2859,83		210.080.000
29	Số 299/30A đường Lê Quang Sung, phường Bình Tây, TP HCM	Diện tích đất: 352,0 Diện tích sàn SD: 720,9			25.400.000
30	Số 1C đường Tùng Thiện Vương, phường Phú Định, TP HCM	Diện tích đất: 260,7 Diện tích sàn SD: 260,7			26.600.000
31	Số 535 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TP HCM (Quận 8 cũ)	Diện tích đất: 69,0 Diện tích sàn SD: 220,0	Diện tích XD: 69,6 Diện tích sàn XD: 230,1		15.400.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)		Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đầu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)	
		Theo GCN	Theo bản vẽ			
32	Số 118 đường Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, TPHCM	Diện tích đất: 66,5 Diện tích sàn SD: 233,2		hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	17.100.000	
33	Số 328 đường Ngô Gia Tự, phường Vườn Lài, TPHCM	Diện tích đất: 47,0 Diện tích sàn SD: 120,5			15.260.000	
34	Số 569 đường Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, TPHCM	Diện tích đất: 40,9 Diện tích sàn SD: 37,3			7.600.000	
35	Số 03 đường Hoàng Việt, phường Tân Sơn Nhất, TPHCM	Diện tích đất: 678,9 Diện tích sàn SD: 1228,3	707 2212,6		113.750.000	
36	Số 14 đường Cao Văn Lầu, phường Bình Tiên, TPHCM	Diện tích đất: 148,0 Diện tích sàn SD: 303,4			Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	25.500.000
37	Số 27/16 đường Kinh Dương Vương (số cũ 401/16 Hùng Vương), phường Phú Lâm, TPHCM	Diện tích đất: 1.129,0 Diện tích sàn SD: 1005,8				58.035.000
38	Số 68 đường Hậu Giang, phường Bình Tây, TPHCM	Diện tích đất: 75,47 Diện tích sàn SD: 261,25			29.840.000	

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)		Mục đích cho thuê	Giá khởi điểm đấu giá cho thuê (đã bao gồm VAT)
		Theo GCN	Theo bản vẽ		
39	Số 126 đường Tháp Mười, phường Bình Tây, TPHCM	Diện tích đất: 180,0 Diện tích sàn SD: 204,4		Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar)	24.720.000
40	Số 166 đường Tháp Mười, phường Bình Tây, TPHCM	Diện tích đất: 80,0 Diện tích sàn SD: 249,2	73,7 302,8		26.890.000
41	Số 245 đường Hậu Giang, phường Bình Tây, TPHCM	Diện tích đất: 104,8 Diện tích sàn SD: 385,8			40.910.000
42	Số 33 đường Trịnh Hoài Đức, phường Chợ Lớn, TPHCM	Diện tích đất: 169,0 Diện tích sàn SD: 304,9	174,4 174,4		22.500.000
Tổng cộng					1.751.395.000

Ghi chú:

- Mục đích cho thuê: Khách hàng được sử dụng tài sản thuê để kinh doanh những ngành nghề hợp pháp; phù hợp mục đích sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quy hoạch kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất tại nơi tài sản tọa lạc; không bao gồm ngành nghề nhạy cảm (massage, vũ trường, karaoke, bar...).

+ Riêng mục đích cho thuê của tài sản là các Căn hộ Chung cư là để ở.

- Thời gian thuê: 05 năm.

- Tiền đặt trước: 03 tháng là tiền khách hàng đặt trước để tham gia đấu giá tính trên giá khởi điểm.

- Tiền đặt cọc: 05 tháng là tiền khách hàng khách hàng đóng để đảm bảo thực hiện hợp đồng tính trên giá trúng đấu giá.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Kỳ thanh toán: Khách hàng thanh toán tiền thuê bằng tiền đồng Việt Nam theo định kỳ mỗi tháng một lần trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của mỗi kỳ thanh toán.

- Giá cho thuê: Giá thuê ổn định cả thời gian thuê.

2. Tổng giá trị cho thuê: 105.083.700.000 đồng

- Giá trị cho thuê 05 năm của 42 tài sản: 105.083.700.000 đồng

- Mức thù lao tối đa thực hiện đấu giá: **55.000.000 đồng + 2%** trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm (theo Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ tư pháp, chưa bao gồm VAT)

3. Phương thức lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản: Chấm điểm theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Stt	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Công Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0



Stt	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (<i>địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ</i>)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (<i>bao gồm cả cuộc đấu giá thành công và cuộc đấu giá không thành</i>) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

Stt	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0



Stt	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng	8,0

Stt	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	
1.	Trong 06 tháng đầu năm 2026, đã tổ chức đấu giá thành trên 05 tài sản cho thuê mặt bằng của các đơn vị nhà nước, với giá trúng đấu giá cao hơn giá khởi điểm trên 100% (Cung cấp bản photo biên bản đấu giá. Nhiều biên bản đấu giá cho cùng một đơn vị thì được xét là 01 đơn vị)	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó trong năm 2025	2,0
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	3,0
Tổng số điểm		100

* Lưu ý: Các đơn vị chào phí dịch vụ đấu giá không phù hợp theo quy định tại Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp thì hồ sơ tham dự sẽ không được xét chấm điểm và bị loại.

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và các tiêu chí khác do Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận quyết định:

- a) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá
- b) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả
- c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản
- d) Thù lao giao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá phù hợp
- đ) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố
- e) Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định

- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý III/2026.

- Thời gian bắt đầu thực hiện Hợp đồng: 22 ngày kể từ ngày Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận bàn giao đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.

- Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

+ Thời gian nộp hồ sơ: Từ 09 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 7 năm 2026 đến 09 giờ 00 phút ngày 10 tháng 7 năm 2026 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận
Địa chỉ: Số 185 Lý Chính Thắng, Phường Xuân Hòa, Tp. HCM.

Mọi chi tiết liên hệ : Công ty Tân Thuận 028.38723944 hoặc Anh Nhựt : 0909818501
Kính trình Tổng Giám đốc xem xét quyết định.

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá làm thành 02 bộ in bìa đóng thành quyển. (Các trường hợp không nộp hồ sơ đúng số lượng và hình thức theo yêu cầu sẽ không được xét chấm điểm và bị loại.)

- Hồ sơ nộp trực tiếp.

- Không hoàn trả hồ sơ đối với những đơn vị không được lựa chọn.

Trân trọng. *H*

Nơi nhận:

- Các Công ty đấu giá, niêm yết tại Cty;
- HĐTV (để báo cáo);
- Kiểm soát viên (để báo cáo);
- Ban Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng Nhân sự - Hành Chính (để đăng thông tin lên trang Web của Công ty);
- Phòng QLTS (để biết); Phòng KTTH (để thực hiện);
- Lưu VT.

